

## HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN

Số: .....  
Hôm nay, ngày .....tháng.....năm 20 ....., hai Bên gồm:

**BÊN CẦM CỐ:**..... 1  
CMND/Căn cước công dân: ..... Nơi cấp: .....  
Cấp ngày:..... Có giá trị đến.....  
Địa chỉ thường trú: ..... tỉnh, thành phố: .....  
Địa chỉ tạm trú:..... tỉnh, thành phố: .....  
Địa chỉ liên hệ: ..... tỉnh, thành phố:.....  
Điện thoại: ..... E-mail: .....

**BÊN NHẬN CẦM CỐ:** ..... 2  
Mã số doanh nghiệp: ..... Do Phòng ĐKKD: ..... 3  
Cấp lần đầu ngày: ..... Cấp lại lần ngày:.....  
Trụ sở: ..... Điện thoại: .....  
Người đại diện: ..... Chức vụ: .....  
Điện thoại: ..... E-mail: .....  
Theo giấy ủy quyền số: ..... ngày .....của ..... 4

Đã thỏa thuận ký Hợp đồng cầm cố tài sản như sau:

### ĐIỀU 1. TÀI SẢN CẦM CỐ

- 1.1 Tài sản cầm cố thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (mô tả cụ thể tên, số lượng, chất lượng, quy cách, đặc điểm, ... của tài sản).
- 1.2 Vật phụ, hoa lợi, lợi tức của tài sản cầm cố cũng thuộc về tài sản cầm cố.
- 1.3 Giấy tờ về tài sản (mô tả tên, số, nơi cấp, đặc điểm chính của giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng, giấy đăng ký và giấy tờ khác về tài sản).
- 1.4 Tổng giá trị tài sản cầm cố do hai Bên thỏa thuận là: [..... ]<sup>5</sup>.

### ĐIỀU 2. NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO ĐẢM

- 2.1 Bên cầm cố đồng ý cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của mình theo thỏa thuận tại Điều 1 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với Bên nhận cầm

---

Nếu là pháp nhân thì ghi như phần “Bên nhận cầm cố”. Nếu là doanh nghiệp, pháp nhân thì ghi như “Bên nhận cầm cố”.

2 Nếu là cá nhân thì ghi như “Bên cầm cố”.

3 Nếu là pháp nhân khác thì ghi số giấy phép hoạt động hoặc quyết định thành lập.

4 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, pháp nhân.

5 Giá trị của tài sản bảo đảm có thể lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm.

- 2.2 Nghĩa vụ được bảo đảm là nghĩa vụ [ ..... ]<sup>1</sup> bao gồm [toàn bộ hoặc một phần]<sup>2</sup> [ ..... ]<sup>3</sup> theo Hợp đồng [ ..... ]<sup>4</sup> số [ ..... ]<sup>5</sup> ngày [ ..... ] giữa Bên nhận cầm cố và Bên cầm cố<sup>6</sup>.
- 2.3 Nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố được chấm dứt trong trường hợp sau đây<sup>7</sup>:
- Nghĩa vụ đã được hoàn thành, được bù trừ hoặc chấm dứt;
  - Tài sản cầm cố đã được xử lý;
  - Việc cầm cố tài sản đã được hủy bỏ hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác;
  - Bên nhận cầm cố miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho Bên cầm cố;
  - Các trường hợp khác theo thỏa thuận của các Bên và do pháp luật quy định.

### **ĐIỀU 3. QUYỀN CỦA BÊN CẦM CỐ<sup>8</sup>**

- 3.1 Yêu cầu Bên nhận cầm cố chấm dứt việc cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu do sử dụng mà tài sản cầm cố có nguy cơ bị mất hoặc giảm sút giá trị.
- 3.2 Yêu cầu Bên nhận cầm cố trả lại tài sản cầm cố và giấy tờ liên quan khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố hoặc chấm dứt theo thỏa thuận tại khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng này.
- 3.3 Yêu cầu Bên nhận cầm cố bồi thường thiệt hại xảy ra đối với tài sản cầm cố.
- 3.4 Được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản cầm cố nếu được Bên nhận cầm cố đồng ý hoặc theo quy định của luật.

### **ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ CỦA BÊN CẦM CỐ<sup>9</sup>**

- 4.1. Giao tài sản cầm cố cho Bên nhận cầm cố theo đúng thỏa thuận.
- 4.2. Báo cho Bên nhận cầm cố về quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố, nếu có; trường hợp không thông báo thì Bên nhận cầm cố có quyền hủy Hợp đồng này đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc duy trì Hợp đồng này và chấp nhận quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố.
- 4.3. Thanh toán cho Bên nhận cầm cố chi phí hợp lý để bảo quản tài sản cầm cố, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

### **ĐIỀU 5. QUYỀN CỦA BÊN NHẬN CẦM CỐ<sup>10</sup>**

- 5.1. Yêu cầu người đang chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật tài sản cầm cố trả lại tài sản cầm cố.
- 5.2. Xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đã thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng này.
- 5.3. Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố<sup>11</sup>.
- 5.4. Được thanh toán chi phí hợp lý bảo quản tài sản cầm cố khi trả lại tài sản cầm cố.

1 Có thể là nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác (bên có quyền).

2 Các bên có thỏa thuận bảo đảm toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ; nếu không có thỏa thuận và pháp luật không quy định phạm vi bảo đảm thì nghĩa vụ coi như được bảo đảm toàn bộ.

3 Ghi rõ nghĩa vụ được bảo đảm (như bảo đảm cho một số tiền gốc tối đa nhất định hay bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gồm tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt và các khoản chi phí khác, nếu có).

4 Ghi rõ tên Hợp đồng.

5 Ghi rõ theo Hợp đồng đã hoặc sẽ xác lập. Nếu sẽ xác lập thì cần phải ghi rõ trong một khoảng thời gian xác định.

6 Nếu cầm cố để bảo đảm cho nghĩa vụ của người thứ ba (bên có nghĩa vụ) thay thế Bên cầm cố bằng người thứ ba, đồng thời ghi rõ tên, địa chỉ mã số doanh nghiệp hoặc thẻ căn cước công dân và các thông tin cần thiết khác của người thứ ba.

7 Điều 315 về “Chấm dứt cầm cố tài sản” và Điều 372 về “Căn cứ chấm dứt nghĩa vụ”, Bộ luật Dân sự 2015.

<sup>8</sup> Điều 312 về “Quyền của bên cầm cố”, Bộ luật Dân sự năm 2015.

<sup>9</sup> Điều 311 về “Nghĩa vụ của bên cầm cố”, Bộ luật Dân sự năm 2015.

<sup>10</sup> Điều 314 về “Quyền của bên nhận cầm cố”, Bộ luật Dân sự 2015.

<sup>11</sup> Nếu để nội dung này thì bỏ nội dung thỏa thuận cho Bên nhận cầm cố được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố thì bỏ nội dung thỏa thuận này.

## **ĐIỀU 6. NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHẬN CẦM CỐ<sup>1</sup>**

- 6.1. Bảo quản, giữ gìn tài sản cầm cố; nếu làm mất, thất lạc hoặc hư hỏng tài sản cầm cố thì phải bồi thường thiệt hại cho Bên cầm cố.
- 6.2. Không được bán, trao đổi, tặng cho, sử dụng tài sản cầm cố để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác.
- 6.3. Không được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố<sup>2</sup>.
- 6.4. Trả lại tài sản cầm cố và giấy tờ liên quan, khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố chấm dứt hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.

## **ĐIỀU 7. XỬ LÝ TÀI SẢN CẦM CỐ**

- 7.1. Tài sản cầm cố được xử lý trong các trường hợp sau đây<sup>3</sup>:
  - Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ<sup>4</sup>;
  - Bên cầm cố phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc theo quy định của luật<sup>5</sup>;
  - Trường hợp khác theo thỏa thuận bằng văn bản của hai Bên hoặc luật có quy định.
- 7.2. Bên nhận cầm cố được quyền quyết định xử lý tài sản cầm cố theo một trong các phương thức dưới đây<sup>6</sup>:
  - Bán đấu giá tài sản cầm cố;
  - Bên nhận cầm cố tự bán tài sản cầm cố;
  - Bên nhận cầm cố nhận chính tài sản cầm cố để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên cầm cố;
  - Theo phương thức khác do các Bên thỏa thuận bằng văn bản.

## **ĐIỀU 8. CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN**

- 8.1. Bên cầm cố cam đoan các thông tin về tài sản cầm cố đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, tài sản cầm cố nói trên:
  - Hoàn thành thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố;
  - Được cầm cố theo quy định của pháp luật;
  - Không có bất kỳ sự tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện nào về quyền sở hữu;
  - Không bị kê biên để thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền hạn chế quyền của chủ sở hữu;
  - Không có bất kỳ cam kết nào về việc chuyển quyền sở hữu, quyền hưởng dụng, góp vốn hoặc dùng để bảo đảm nghĩa vụ dân sự nào khác dưới mọi hình thức.
- 8.2. Bên nhận cầm cố cam đoan đã xem xét tài sản cầm cố và giấy tờ về tài sản cầm cố nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- 8.3. Cả hai Bên cùng cam đoan:
  - Các thông tin về mỗi Bên đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
  - Việc ký kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc;
  - Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận trong Hợp đồng này;
  - Đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc ký kết Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 9. THỎA THUẬN KHÁC**

<sup>1</sup> Điều 313 về “Nghĩa vụ của bên nhận cầm cố”, Bộ luật Dân sự 2015.

<sup>2</sup> Nếu có thỏa thuận này, thì bỏ đi quyền tương ứng của Bên nhận cầm cố tại khoản 5.3 Điều 5 mẫu Hợp đồng này.

<sup>3</sup> Điều 299 về “Các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm”, Bộ luật Dân sự 2015.

<sup>4</sup> Nếu là bảo đảm nghĩa vụ cho người thứ ba thì là người thứ ba và Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

<sup>5</sup> Nếu là bảo đảm nghĩa vụ cho người thứ ba thì là người thứ ba hoặc Bên cầm cố phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng ký giữa Bên nhận cầm cố với người thứ ba hoặc tại Hợp đồng này hoặc theo quy định của luật.

<sup>6</sup> Điều 303 về “Phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp”, Bộ luật Dân sự năm 2015. Hoặc là hai bên thỏa thuận một phương thức cụ thể xử lý tài sản bảo đảm.

- 9.1. Các nội dung khác: [ ..... ]<sup>1</sup>
- 9.2. Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này và Hợp đồng [ ..... ] (được bảo đảm bằng hợp đồng này)<sup>2</sup> được gộp vào để giải quyết trong cùng một vụ tranh chấp tại Tòa án hoặc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này<sup>3</sup>. Bên thua kiện có nghĩa vụ thanh toán mọi chi phí liên quan đến vụ án<sup>4</sup>.
- 9.3. Hợp đồng này được lập thành [ ..... ] bản, mỗi bên giữ [ ..... ] bản<sup>5</sup>, có hiệu lực từ ngày ký<sup>6</sup> cho đến khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố được chấm dứt. Các Bên đã đọc, hiểu rõ và đồng ý ký tên dưới đây.

**BÊN CẦM CỐ**  
(ký và đóng dấu)

**BÊN NHẬN CẦM CỐ**  
(ký và đóng dấu)

**KHOA TIN**  
**LAW FIRM**



<sup>1</sup> Các bên có thể thỏa thuận các nội dung khác của Hợp đồng (nếu có).

<sup>2</sup> Trong trường hợp Hợp đồng bảo đảm khác với Hợp đồng được bảo đảm.

<sup>3</sup> Các bên cũng có thể thỏa thuận thêm các nội dung khác như: mọi tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được các Bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Các bên cũng có thể thỏa thuận giải quyết thông qua phương thức hòa giải thương mại theo quy định tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về “Hòa giải thương mại”.

<sup>4</sup> Các bên có thể thỏa thuận chi phí bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản án phí, lệ phí, chi phí tố tụng, bao gồm cả phí thuê luật sư, toàn bộ phí thi hành án và các khoản chi phí liên quan khác mà bên kia phải bỏ ra để giải quyết vụ án. Tòa án, trọng tài xem xét chấp nhận một phần hay toàn bộ thỏa thuận này. Nhưng nếu không có thỏa thuận thì các bên tự chịu phí luật sư và bên được thi hành án chịu chi phí thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

<sup>5</sup> Mỗi Bên cần phải giữ tối thiểu 01 bản gốc (có chữ ký tươi của người đại diện ký Hợp đồng và đóng dấu, nếu có).

<sup>6</sup> Khoản 1 Điều 310 về “Hiệu lực của cầm cố tài sản”, Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Hợp đồng cầm cố tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.